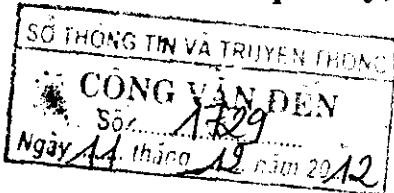


Số: 29 /2012/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 10 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2012 - 2015



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 ngày 11 tháng 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012÷2015;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 181/TTr - SNN ngày 26 tháng 11 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2012 ÷ 2015”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT, TC;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Như Điều 3;
- VPUB: THCB, NN;
- Lưu VT.



QUY ĐỊNH

**Về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư
và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn
tỉnh Hà Nam giai đoạn 2012 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29 /2012/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định một số chính sách ưu đãi, đối với các hoạt động đầu tư xây dựng các dự án, công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn (bao gồm dự án xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp) và quản lý, khai thác phục vụ sinh hoạt và các mục đích khác của cộng đồng dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Các công trình cấp nước nhỏ lẻ phục vụ cho từng hộ gia đình, những nhóm hộ dùng nước, riêng lẻ mật độ thấp, giếng khoan, giếng đào không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

3. Quy định này áp dụng đối với các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tư nhân trong và ngoài nước (gọi chung là đơn vị cấp nước) tham gia các hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và cung cấp nước sạch nông thôn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn phải nằm trong danh mục xác định theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định.

2. Nhà nước hỗ trợ, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế tham gia góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý vận hành khai thác và cung cấp nước sạch nông thôn chịu sự kiểm soát của Nhà nước; quản lý hỗ trợ, ưu đãi đầu tư theo dự án và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Tài sản được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, nguồn vốn ODA, vốn đóng góp của cộng đồng, hiến tặng, để xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn chỉ được sử dụng cho mục đích phục vụ lợi ích của cộng đồng, không được sử dụng cho các mục đích khác.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan lựa chọn chủ đầu tư, quyết định đầu tư và phê duyệt dự án trên cơ sở tham mưu của các sở, ngành chức năng theo quy định hiện hành.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chủ đầu tư các dự án

1. Chủ đầu tư là đơn vị cấp nước có đăng ký kinh doanh sản xuất và cung cấp nước sạch góp vốn đầu tư xây dựng cùng với vốn hỗ trợ của nhà nước, sau đó quản lý vận hành, khai thác và cung cấp nước sạch tập trung nông thôn;

2. Nếu trên cùng một địa bàn có nhiều đơn vị tham gia góp vốn thì thực hiện theo phương thức đấu thầu dự án để lựa chọn chủ đầu tư.

3. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương đầu tư, Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hoặc thuê tư vấn lập dự án, trình duyệt dự án, tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Đấu thầu thực hiện dự án

1. Áp dụng hình thức tự thực hiện đối với gói thầu xây lắp và cung cấp thiết bị của các dự án đầu tư mà chủ đầu tư là doanh nghiệp góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác cung cấp nước sạch (được phê duyệt trong quyết định đầu tư, kế hoạch đấu thầu dự án trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 44 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng).

2. Thực hiện theo quy định đấu thầu đối với các dự án mà chủ đầu tư không phải là doanh nghiệp góp vốn đầu tư và đối với dự án chủ đầu tư không đủ điều kiện áp dụng hình thức tự thực hiện.

Điều 5. Hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước

1. Được hỗ trợ từ nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và các nguồn vốn khác (bao gồm cả chi phí giải phóng mặt bằng) theo các mức:

a) Hỗ trợ 45% giá trị tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các vùng thị trấn;

b) Hỗ trợ 60% giá trị tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với vùng nông thôn;

c) Hỗ trợ 75% giá trị tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt vùng nông thôn miền núi;

2. Các dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, phải được đánh giá, xác định giá trị còn lại của công trình để bàn giao cho chủ đầu tư mới. Toàn bộ giá trị tài sản còn lại hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước được tính khấu trừ vào tiền hỗ trợ đầu tư. Mức hỗ trợ áp dụng theo các mức như trên.

3. Hình thức hỗ trợ: Thực hiện hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 6. Việc cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư

1. Việc cấp phát vốn hỗ trợ được tiến hành khi có hồ sơ nghiệm thu theo đúng các quy định hiện hành. Hồ sơ nghiệm thu, thanh toán phải được kiểm tra và có xác nhận của Văn phòng Thường trực Ban điều hành Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường tỉnh Hà Nam (Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường tỉnh). Giá trị cấp phát tương ứng tỷ lệ giá trị khối lượng hoàn thành theo cơ chế hỗ trợ của dự án.

2. Thanh toán vốn đầu tư qua Kho bạc Nhà nước tỉnh.

3. Quyết toán vốn đầu tư: Sau khi công trình hoàn thành chủ đầu tư có trách nhiệm trình duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo quy định hiện hành (đối với dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước), trong đó xác định toàn bộ giá trị tài sản giao cho đơn vị cấp nước, quản lý vận hành, khai thác sử dụng làm cơ sở quyết toán phần vốn hỗ trợ và phần vốn góp của chủ đầu tư.

Điều 7. Một số chính sách ưu đãi

1. Ưu đãi về đất đai

a) Các dự án, công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất.

- Đất được giao hoặc được thuê để xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn bao gồm: Công trình khai thác và xử lý nước. Đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước, các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước...

- Trường hợp phải thực hiện đền bù hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì chi phí giải phóng mặt bằng được tính vào chi phí đầu tư dự án để thực hiện hỗ trợ và xử lý vào phương án sản xuất, kinh doanh.

b) Đất được Nhà nước giao, hoặc cho thuê đối với các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn trên đây phải bảo đảm các quy định sau:

- Không được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư.

- Không được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê quyền sử dụng đất. Trường hợp được chuyển nhượng theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì phải đảm bảo không làm thay đổi mục đích sử dụng cấp nước sạch phục vụ cho cộng đồng dân cư nông thôn. Trong trường hợp này cơ quan giao đất hoặc cho thuê đất phải thu hồi đất đã giao cho chủ dự án cũ để giao đất hoặc cho thuê đất đối với chủ đầu tư mới theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

- Không được thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất để vay vốn.

- Không được góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hợp tác sản xuất, kinh doanh.

c) Việc sử dụng đất được giao hoặc thuê phải đúng mục đích và các quy định của pháp luật về đất đai. Khi hết thời hạn được giao đất, hoặc thuê đất nếu

dự án công trình cấp nước sạch nông thôn không có nhu cầu sử dụng, bị giải thể, chuyển đi nơi khác thì phải trả lại đất được giao, được thuê cho Nhà nước.

Trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, Nhà nước sẽ thu hồi theo quy định của pháp luật, đồng thời chủ dự án phải nộp ngân sách Nhà nước toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn theo thuế suất và giá đất tại thời điểm bị thu hồi đối với thời gian sử dụng không đúng mục đích.

2. Ưu đãi về huy động vốn

Các đơn vị cấp nước thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, các dự án, công trình cấp nước nông thôn được hưởng các ưu đãi huy động vốn như sau:

a) Được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng phát triển Việt Nam và Ngân hàng chính sách xã hội với các hình thức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng hoặc theo các mục tiêu cấp nước và vệ sinh cho các hộ gia đình theo quy định tại Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 1/4/2004 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

b) Được ưu tiên vay lại từ nguồn vốn của các tổ chức quốc tế cho Chính phủ Việt Nam vay ưu đãi.

c) Được nhận vốn tài trợ không hoàn lại của tổ chức quốc tế.

d) Được phép huy động vốn dưới dạng góp cổ phần, góp vốn từ người lao động trong đơn vị, cộng đồng; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua hợp tác, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước. Trong trường hợp này, đơn vị cấp nước có trách nhiệm quản lý chặt chẽ nguồn vốn, đầu tư hiệu quả đảm bảo hoàn trả gốc và lãi theo thỏa thuận ghi trong kế ước hoặc hợp đồng huy động.

Điều 8. Quản lý, vận hành khai thác công trình

1. Các tổ chức, doanh nghiệp tham gia góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác công trình được hưởng các chế độ ưu đãi và thực hiện các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật, được cụ thể bằng phương án quản lý, khai thác, kinh doanh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước cho đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, các công trình cấp nước sạch nông thôn nói trên về nguyên tắc phải hoàn trả ngân sách thông qua nộp khấu hao cơ bản theo quy định của Bộ Tài chính; phần lãi thu được từ việc kinh doanh nước sạch phân chia theo tỷ lệ góp vốn, doanh nghiệp nộp ngân sách phần lãi tương ứng với nguồn vốn ngân sách.

3. Giá thành nước sạch phải được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí hợp lý trong quá trình sản xuất, phân phối, thuế và lợi nhuận; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá tiêu thụ nước sạch theo quy định hiện hành. Trường hợp giá tiêu

thụ nước sạch quyết định (hoặc phê duyệt) thấp hơn phương án giá nước sạch do các đơn vị cấp nước lập đã được Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định thì phần chênh lệch giá nước hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đối trừ vào khoản nộp khấu hao cơ bản theo hướng phục vụ trở lại cho hoạt động cấp nước và tạo nguồn sửa chữa thường xuyên cho công trình.

4. Khi đưa công trình vào khai thác, doanh nghiệp phải xây dựng phương án quản lý, khai thác, kinh doanh trình Sở Tài chính thẩm định và thực hiện theo phương án được duyệt.

Điều 9. Xử lý tài sản

Đối với các loại tài sản, công trình được đầu tư từ ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, xử lý như sau:

1. Nếu thay đổi từ tổ chức quản lý này sang tổ chức khác quản lý thì Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan cùng đơn vị cấp nước tiến hành kiểm kê, đánh giá lại toàn bộ tài sản để làm thủ tục thu hồi, giao lại cho tổ chức mới quản lý, khai thác, vận hành cung cấp dịch vụ;

2. Nếu chuyển giao, giao khoán, cho thuê phần tài sản thuộc sở hữu Nhà nước phải được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

3. Trường hợp tài sản, công trình không còn khả năng sử dụng được nữa thì Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng cùng đơn vị cấp nước tổ chức thanh lý theo quy định hiện hành. Tiền thu được từ thanh lý tài sản sau khi trừ chi phí thanh lý, được phân chia giữa đơn vị cấp nước cũ và nộp vào ngân sách Nhà nước theo tỷ lệ vốn đầu tư của đơn vị cấp nước và vốn Nhà nước đã hỗ trợ trong giá trị quyết toán công trình.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của đơn vị cấp nước

1. Quyền của đơn vị cấp nước:

a) Hoạt động kinh doanh cấp nước theo các quy định, được phép vào khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước để thao tác bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị cấp nước, đường ống và đồng hồ đo nước;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến hoạt động cấp nước;

c) Được quyền tham gia vào việc lập quy hoạch cấp nước trên địa bàn;

d) Được bồi thường thiệt hại do các tổ chức, cá nhân hoặc khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của pháp luật;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước:

a) Trong quá trình hoạt động đầu tư và quản lý, khai thác công trình phải chấp hành đầy đủ các quy định chế độ, chính sách hiện hành của pháp luật;

b) Quản lý, vận hành hệ thống cấp nước theo đúng quy trình, quy phạm; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng công trình; đảm bảo dịch vụ cung cấp nước đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về dịch vụ theo quy định;

c) Hàng tháng kiểm tra chất lượng nước theo quy định để đảm bảo cung cấp nước đạt quy chuẩn quốc gia về chất lượng theo quy định của Bộ Y tế. Thực hiện báo cáo định kỳ chất lượng nước với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo với các Sở, ngành liên quan để phối hợp quản lý.

d) Thực hiện các quy định của pháp luật về Tài nguyên nước và bảo vệ môi trường;

đ) Trong quá trình vận hành khai thác chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan;

e) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Thực hiện việc hỗ trợ đầu tư khi các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn có đầy đủ thủ tục theo đúng quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm sử dụng nguồn vốn hỗ trợ đầu tư đúng quy định, đúng đối tượng, có hiệu quả và huy động kịp thời vốn để thực hiện dự án.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh nông thôn. Tổng hợp tình hình thực hiện công tác đầu tư và quản lý, khai thác công trình để báo cáo Ban Điều hành Chương trình và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Hướng dẫn các Chủ đầu tư lập dự án và thiết kế các công trình cấp nước sạch nông thôn sau khi có chủ trương đầu tư. Thẩm định thiết kế và dự toán để chủ đầu tư phê duyệt. Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện đầu tư; xác nhận giá trị nghiệm thu và chịu trách nhiệm về giá trị đầu tư của các dự án.

Chỉ đạo Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường lập kế hoạch định kỳ lấy mẫu phân tích, kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại các trạm cấp nước tập trung nông thôn và hộ gia đình, đề xuất kịp thời các biện pháp xử lý khi chất lượng nước sinh hoạt không đảm bảo theo quy định.

Rà soát, kiểm tra nắm bắt tình hình hoạt động của các đơn vị cấp nước hiện có; đề xuất các biện pháp chấn chỉnh, đảm bảo các đơn vị cấp nước hoạt động hiệu quả, bền vững.

Có kế hoạch tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật quản lý vận hành, khai thác công trình cho các đơn vị cấp nước, quản lý khai thác công trình trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập danh mục đầu tư các công trình cấp nước tập trung và các công trình phải chuyển đổi mô hình quản lý vận hành trình Ủy ban nhân dân

tính phê duyệt để kêu gọi đầu tư trên địa bàn; tổ chức thực hiện lồng ghép với các chương trình có cùng mục tiêu trên địa bàn.

Trên cơ sở đề xuất kế hoạch hàng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cân đối nguồn vốn cho từng dự án. Mức đầu tư cho từng dự án không được vượt và trái với nguyên tắc hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình nước sạch tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, tổ chức thẩm tra, trình duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định hiện hành.

Chủ trì cùng với các sở, ngành liên quan đánh giá, xác định giá trị tài sản còn lại đối với các công trình cấp nước khi chuyển đổi để bàn giao cho chủ đầu tư mới.

Chủ trì, phối hợp với sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định các phương án giá thành, giá tiêu thụ nước sạch nông thôn phù hợp với khung giá của Bộ Tài chính và thực tế của địa phương.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan thanh toán vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn để hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình nước sạch tập trung nông thôn.

Hướng dẫn, giúp đỡ các thành phần kinh tế tổ chức quản lý tài chính ở các đơn vị cấp nước.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét thẩm định và giải quyết kịp thời việc giao đất, cho thuê đất đối với các dự án cấp nước sạch nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các địa phương dành quỹ đất cho xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn theo quy hoạch được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quan trắc, theo dõi chất lượng nước đầu vào để quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên nước mặt, nước ngầm trên địa bàn tỉnh; ngăn chặn các tổ chức, cá nhân có hành vi xả thải làm ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm.

Tổ chức giám sát, kiểm tra thường xuyên chất lượng nước đầu vào theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thường xuyên cung cấp thông tin cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế về tình hình ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm và các tác động ảnh hưởng đến nguồn nước.

6. Sở Y tế thường xuyên giám sát, đánh giá chất lượng nước sinh hoạt nông thôn theo Quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT; kịp thời cung cấp thông tin cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình bệnh tật liên quan đến nguồn nước sinh hoạt nông thôn.

7. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp tổ chức, triển khai Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực nước sạch nông thôn ở địa phương theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật về đất đai, ưu đãi cho công trình và bảo vệ công trình, hành lang an toàn trong và ngoài công trình theo quy định của pháp luật, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm sử dụng trái phép đất trong hành lang an toàn của công trình.

Tổ chức giải phóng mặt bằng, bàn giao cho chủ đầu tư thực hiện dự án, công trình.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã vận động người dân sử dụng nước sạch, sử dụng tiết kiệm, tham gia bảo vệ công trình cấp nước, bảo vệ nguồn nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị cấp nước trong suốt quá trình đầu tư, khai thác công trình, đồng thời bảo đảm quyền lợi của người sử dụng, của cộng đồng.

Vận động nhân dân tham gia sử dụng nước sạch và đóng góp kinh phí để mở mạng cấp nước đến hộ gia đình; phối hợp cùng với đơn vị cấp nước, quản lý, khai thác công trình, bảo vệ công trình và bảo vệ nguồn nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quy hoạch, dành quỹ đất cho xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn và làm các thủ tục kịp thời.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Mọi tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc, phát sinh, các ngành, các cấp cần phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *th*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Mai Tiến Dũng